

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 385/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê N, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn X 1, xã X, huyện Q, tỉnh Q1

- Chị Nguyễn Thị Quỳnh M, sinh năm 1989; địa chỉ: 04/17/246 đường H (thuộc tổ 06, khu vực 2), phường A, thành phố H, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê N và chị Nguyễn Thị Quỳnh M sau thời gian tìm hiểu được 06 tháng rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình chấp nhận có tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H tỉnh T vào ngày 15/6/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng mỗi người sống một nơi, anh N thì sống ở thành phố H, còn chị Mai sống ở tỉnh Q nên cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Sau đó chị M vào Huế và vợ chồng đã về nhà cha mẹ chị M tại địa chỉ số 04/17/246 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh T để ở. Quá trình chung sống, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, từ đó vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được. Nên anh Lê N và chị Nguyễn Thị Quỳnh M cùng gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Lê N và chị Nguyễn Thị Quỳnh M không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê N và chị Nguyễn Thị Quỳnh M trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê N và chị Nguyễn Thị Quỳnh M, mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh N và chị M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000061 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh T. Anh Lê N và chị Nguyễn Thị Quỳnh M đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê N và chị Nguyễn Thị Quỳnh M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lê N và chị Nguyễn Thị Quỳnh M không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê N và chị Nguyễn Thị Quỳnh M không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê N và chị Nguyễn Thị Quỳnh M, mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh N và chị M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000061 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh T. Anh Lê N và chị Nguyễn Thị Quỳnh M đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường A, thành phố H (Anh N và chị M ĐKKH số 65 ngày 15/6/2017);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự; Lưu án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng C